use QLDA

go

--lab3\_BAI1

-- Với mỗi đề án, liệt kê tên đề án và tổng số giờ làm việc một tuần của tất cả các nhân viên tham dự đề án đó.

--o Xuất định dạng “tổng số giờ làm việc” kiểu decimal với 2 số thập phân.

--o Xuất định dạng “tổng số giờ làm việc” kiểu varchar

-- Với mỗi phòng ban, liệt kê tên phòng ban và lương trung bình của những nhân viên làm việc cho phòng ban đó.

--o Xuất định dạng “luong trung bình” kiểu decimal với 2 số thập phân, sử dụng dấu phẩy để phân biệt phần nguyên và phần thập phân.

--o Xuất định dạng “luong trung bình” kiểu varchar. Sử dụng dấu phẩy tách cứ mỗi 3 chữ số trong chuỗi ra, gợi ý dùng thêm các hàm Left, Replace

--lab3\_BAI2: (2 điểm)

--Sử dụng các hàm toán học

-- Với mỗi đề án, liệt kê tên đề án và tổng số giờ làm việc một tuần của tất cả các nhân viên tham dự đề án đó.

--o Xuất định dạng “tổng số giờ làm việc” với hàm CEILING

--o Xuất định dạng “tổng số giờ làm việc” với hàm FLOOR

--o Xuất định dạng “tổng số giờ làm việc” làm tròn tới 2 chữ số thập phân

-- Cho biết họ tên nhân viên (HONV, TENLOT, TENNV) có mức lương trên mức lương trung bình (làm tròn đến 2 số thập phân) của phòng "Nghiên cứu"

--Sử dụng các hàm xử lý chuỗi

-- Danh sách những nhân viên (HONV, TENLOT, TENNV, DCHI) có trên 2 thân nhân, thỏa các yêu cầu

--o Dữ liệu cột HONV được viết in hoa toàn bộ

--o Dữ liệu cột TENLOT được viết chữ thường toàn bộ

--o Dữ liệu chột TENNV có ký tự thứ 2 được viết in hoa, các ký tự còn lại viết thường( ví dụ: kHanh)

--o Dữ liệu cột DCHI chỉ hiển thị phần tên đường, không hiển thị các thông tin khác như số nhà hay thành phố.

-- Cho biết tên phòng ban và họ tên trưởng phòng của phòng ban có đông nhân viên nhất, hiển thị thêm một cột thay thế tên trưởng phòng bằng tên “Fpoly”

--Bài 4: (2 điểm)

--Sử dụng các hàm ngày tháng năm

-- Cho biết các nhân viên có năm sinh trong khoảng 1960 đến 1965.

-- Cho biết tuổi của các nhân viên tính đến thời điểm hiện tại.

-- Dựa vào dữ liệu NGSINH, cho biết nhân viên sinh vào thứ mấy.

-- Cho biết số lượng nhân viên, tên trưởng phòng, ngày nhận chức trưởng phòng và ngày nhận chức trưởng phòng hiển thi theo định dạng dd-mm-yy (ví dụ 25-04-2019)

SELECT 'HÔM NAY LÀ NGÀY : ' + CAST(GETDATE() AS VARCHAR)

PRINT 'HÔM NAY LÀ NGÀY : ' + CAST(GETDATE() AS VARCHAR)

--floor : làm tròn xuống

PRINT(FLOOR(5.2))

PRINT(FLOOR(5.7))

--CEILING : làm tròn lên

PRINT(CEILING(5.7))

PRINT(CEILING(5.3))

-- làm tròn tới bao nhiêu số lẻ

print(round(5.555,2))

print(round(5.554,2))

print(round(5.554,1))

--LAB3\_BAI1

--Với mỗi đề án, liệt kê mã đề án và tổng số giờ làm việc đề án đó.

--a. Xuất định dạng “tổng số giờ làm việc” kiểu decimal với 2 số thập phân.

--b. Xuất định dạng “tổng số giờ làm việc” kiểu varchar

USE QLDA

GO

--LAB3\_BAI1

--LAB3\_BAI1.a

SELECT MADA, CAST(SUM(THOIGIAN) AS decimal(9,2)) AS 'tổng số giờ làm việc'

FROM PHANCONG

GROUP BY MADA

--LAB3\_BAI1.b

SELECT MADA, CAST(SUM(THOIGIAN) AS VARCHAR(10)) AS 'tổng số giờ làm việc'

FROM PHANCONG

GROUP BY MADA

--LAB3\_BAI1: gộp lại

SELECT MADA, CAST(SUM(THOIGIAN) AS decimal(9,2)) AS 'tổng số giờ làm việc - DECIMAL',

CAST(SUM(THOIGIAN) AS VARCHAR(10)) AS 'tổng số giờ làm việc - VARCHAR'

FROM PHANCONG

GROUP BY MADA

--LAB3\_BAI1.C.D

--Với mỗi phòng ban, liệt kê mã phòng, tên phòng ban và lương trung bình của những nhân viên làm việc cho phòng ban đó.

--Xuất định dạng “luong trung bình” kiểu varchar với 2 số thập phân, sử dụng dấu phẩy để phân biệt 3 chữ số.

--

--LAB3\_BAI1.C

SELECT PHONGBAN.MAPHG, PHONGBAN.TENPHG, AVG(LUONG) AS 'lương trung bình'

FROM PHONGBAN, NHANVIEN

WHERE PHONGBAN.MAPHG = NHANVIEN.PHG

GROUP BY PHONGBAN.MAPHG, PHONGBAN.TENPHG

--LAB3\_BAI1.D : dùng format, convert,...

SELECT PHONGBAN.MAPHG, PHONGBAN.TENPHG,FORMAT( CONVERT(decimal(10,2),AVG(LUONG)), '#,##0.00') AS 'lương trung bình'

FROM PHONGBAN, NHANVIEN

WHERE PHONGBAN.MAPHG = NHANVIEN.PHG

GROUP BY PHONGBAN.MAPHG, PHONGBAN.TENPHG

-- LAB3\_BAI1.E : inner join

SELECT PHONGBAN.MAPHG, PHONGBAN.TENPHG,FORMAT( CONVERT(decimal(10,2),AVG(LUONG)), '#,##0.00') AS 'lương trung bình'

FROM PHONGBAN INNER JOIN NHANVIEN

ON PHONGBAN.MAPHG = NHANVIEN.PHG

GROUP BY PHONGBAN.MAPHG, PHONGBAN.TENPHG

--CÓ MÁY OK

select phongban.MAPHG, phongban.TENPHG,convert(varchar,avg(luong),103) --103 cứ 3 số thêm dấu phẩy

from nhanvien, phongban

where nhanvien.phg = phongban.MAPHG

group by phongban.MAPHG, phongban.TENPHG

go

--lab3\_bai2 :

-- Với mỗi đề án, liệt kê mã đề án, tên đề án và tổng số giờ làm việc một tuần của tất cả các nhân viên tham dự đề án đó.

--o Xuất định dạng “tổng số giờ làm việc” với hàm CEILING

--o Xuất định dạng “tổng số giờ làm việc” với hàm FLOOR

--o Xuất định dạng “tổng số giờ làm việc” làm tròn tới 2 chữ số thập phân ROUND

--o Cho biết họ tên nhân viên (HONV, TENLOT, TENNV) có mức lương trên mức lương trung bình (làm tròn đến 2 số thập phân) của phòng "Nghiên cứu"

--lab3\_bai2.A.

SELECT DEAN.MADA, DEAN.TENDEAN, SUM(PHANCONG.THOIGIAN),

CEILING(SUM(PHANCONG.THOIGIAN)),

FLOOR(SUM(PHANCONG.THOIGIAN)),

ROUND(SUM(PHANCONG.THOIGIAN),2)

FROM DEAN, CONGVIEC, PHANCONG

WHERE DEAN.MADA = CONGVIEC.MADA

AND CONGVIEC.STT = PHANCONG.STT

GROUP BY DEAN.MADA, DEAN.TENDEAN

--lab3\_BAI2.B : cho biết lương trung bình của phòng nghiên cứu

SELECT round(AVG(LUONG),2)

FROM PHONGBAN, NHANVIEN

WHERE PHONGBAN.MAPHG = NHANVIEN.PHG

AND PHONGBAN.TENPHG = N'Nghiên cứu'

--lab3\_BAI2.C : Cho biết họ tên nhân viên (HONV, TENLOT, TENNV) có mức lương trên mức lương trung bình (làm tròn đến 2 số thập phân) của phòng "Nghiên cứu"

SELECT HONV, TENLOT, TENNV, LUONG

FROM NHANVIEN

WHERE LUONG > (

SELECT round(AVG(LUONG),2)

FROM PHONGBAN, NHANVIEN

WHERE PHONGBAN.MAPHG = NHANVIEN.PHG

AND PHONGBAN.TENPHG = N'Nghiên cứu'

)

GO

--lab3\_BAI3.A:

--Danh sách những nhân viên (HONV, TENLOT, TENNV) thỏa các yêu cầu

--o Dữ liệu cột HONV được viết in hoa toàn bộ

--o Dữ liệu cột TENLOT được viết chữ thường toàn bộ

--lab3\_BAI3.B : cho biết lương trung bình của phòng nghiên cứu

--lab3\_BAI3.C : Cho biết họ tên nhân viên (HONV, TENLOT, TENNV) có mức lương trên mức lương trung bình (làm tròn đến 2 số thập phân) của phòng "Nghiên cứu"

--VÍ DỤ ĐƠN GIẢN

--Danh sách những nhân viên (HONV, TENLOT, TENNV) thỏa các yêu cầu

--o Dữ liệu cột HONV được viết in hoa toàn bộ

--o Dữ liệu cột TENLOT được viết chữ thường toàn bộ

--1. hàm upper: thành chữ hoa

select upper('pham ngoc trinh')

-- hàm lower: thành chữ thường

select lower('PHAM NGOC TRINH')

--2. XUAT HONV, TENLOT, TENNV

select HONV, TENLOT, upper(TENNV) --chuyển thành chữ HOA

from nhanvien

go

--

select HONV, TENLOT, lower(TENNV) --chuyển thành chữ THƯỜNG

from nhanvien

go

SELECT LEFT('CAO PHUC THINH', 3) -->>> CAO

SELECT RIGHT('CAO HOANG PHUC', 4) --->>> PHUC

--TÌM VỊ TRÍ ĐẦU TIÊN CỦA CHUỖI CON TRONG CHUỖI MẸ

SELECT CHARINDEX(' ','CAO HOANG PHUC') --->>> 4

SELECT CHARINDEX(' ','222 Nguyễn Văn Cừ, Tp HCM')---> 4

SELECT CHARINDEX(',','222 Nguyễn Văn Cừ, Tp HCM')--->>> dau phẩy vị trí 18

SELECT SUBSTRING('222 Nguyễn Văn Cừ, Tp HCM',CHARINDEX(' ','222 Nguyễn Văn Cừ, Tp HCM')+ 1,

CHARINDEX(',','222 Nguyễn Văn Cừ, Tp HCM') - (CHARINDEX(' ','222 Nguyễn Văn Cừ, Tp HCM')+ 1) )

--

SELECT SUBSTRING('CAO HOANG PHUC',1,3) --->>> CAO

SELECT SUBSTRING('CAO HOANG PHUC',5,5) --->> HOANG

SELECT LEN('CAO HOANG PHUC') --->> CHIỀU DÀI CHUỖI 14

SELECT SUBSTRING('CAO HOANG PHUC',LEN('CAO HOANG PHUC')- 3,4)--->>PHUC

-- Bai 3a: Danh sách những nhân viên (HONV, TENLOT, TENNV, DCHI) có trên 2 thân nhân, thỏa các yêu cầu

-- 3a.Dữ liệu cột HONV được viết in hoa toàn bộ

-- 3b.Dữ liệu cột TENLOT được viết chữ thường toàn bộ

-- 3c.Dữ liệu chột TENNV có ký tự thứ 2 được viết in hoa, các ký tự còn lại viết thường( ví dụ: kHanh)

-- 3d.Dữ liệu cột DCHI chỉ hiển thị phần tên đường, không hiển thị các thông tin khác như số nhà hay thành phố.

--

SELECT MANV, COUNT(MA\_NVIEN)

FROM NHANVIEN, THANNHAN

WHERE NHANVIEN.MANV = THANNHAN.MA\_NVIEN

GROUP BY MANV

GO

--

SELECT MANV, HONV, TENLOT, TENNV, DCHI, COUNT(MA\_NVIEN)

FROM NHANVIEN, THANNHAN

WHERE NHANVIEN.MANV = THANNHAN.MA\_NVIEN

GROUP BY MANV, HONV, TENLOT, TENNV, DCHI

GO

--Danh sách những nhân viên (HONV, TENLOT, TENNV, DCHI) có trên 2 thân nhân,

SELECT MANV, HONV, TENLOT, TENNV, DCHI, COUNT(MA\_NVIEN)

FROM NHANVIEN, THANNHAN

WHERE NHANVIEN.MANV = THANNHAN.MA\_NVIEN

GROUP BY MANV, HONV, TENLOT, TENNV, DCHI

HAVING COUNT(MA\_NVIEN)> 2

GO

--3a. Dữ liệu cột HONV được viết in hoa toàn bộ

SELECT MANV, UPPER(HONV) AS 'HONV', TENLOT, TENNV, DCHI, COUNT(MA\_NVIEN)

FROM NHANVIEN, THANNHAN

WHERE NHANVIEN.MANV = THANNHAN.MA\_NVIEN

GROUP BY MANV, HONV, TENLOT, TENNV, DCHI

HAVING COUNT(MA\_NVIEN)> 2

GO

--3b.Dữ liệu cột TENLOT được viết chữ thường toàn bộ

SELECT MANV, UPPER(HONV) AS 'HONV', LOWER(TENLOT) AS 'TENLOT', TENNV, DCHI, COUNT(MA\_NVIEN)

FROM NHANVIEN, THANNHAN

WHERE NHANVIEN.MANV = THANNHAN.MA\_NVIEN

GROUP BY MANV, HONV, TENLOT, TENNV, DCHI

HAVING COUNT(MA\_NVIEN)> 2

GO

-- 3c.Dữ liệu chột TENNV có ký tự thứ 2 được viết in hoa, các ký tự còn lại viết thường( ví dụ: kHanh)

SELECT MANV, UPPER(HONV) AS 'HONV', LOWER(TENLOT) AS 'TENLOT',

LOWER(LEFT(TENNV,1)) + UPPER(SUBSTRING(TENNV,2,1)) + LOWER(SUBSTRING(TENNV,3,LEN(TENNV) - 2)) AS 'TENNV'

, DCHI, COUNT(MA\_NVIEN)

FROM NHANVIEN, THANNHAN

WHERE NHANVIEN.MANV = THANNHAN.MA\_NVIEN

GROUP BY MANV, HONV, TENLOT, TENNV, DCHI

HAVING COUNT(MA\_NVIEN)> 2

GO

--

/\*

SELECT TENNV, LOWER(LEFT(TENNV,1))

FROM NHANVIEN

--

SELECT TENNV, UPPER(SUBSTRING(TENNV,2,1))

FROM NHANVIEN

--

SELECT TENNV, LOWER(LEFT(TENNV,1)) + UPPER(SUBSTRING(TENNV,2,1)) + LOWER(SUBSTRING(TENNV,3,LEN(TENNV) - 2)) AS 'TENNV'

FROM NHANVIEN

\*/

-- 3d.Dữ liệu cột DCHI chỉ hiển thị phần tên đường, không hiển thị các thông tin khác như số nhà hay thành phố.

/\*

SELECT CHARINDEX(' ','222 Nguyễn Văn Cừ, Tp HCM')---> 4

SELECT CHARINDEX(',','222 Nguyễn Văn Cừ, Tp HCM')--->>> dau phẩy vị trí 18

SELECT SUBSTRING('222 Nguyễn Văn Cừ, Tp HCM',CHARINDEX(' ','222 Nguyễn Văn Cừ, Tp HCM')+ 1,

CHARINDEX(',','222 Nguyễn Văn Cừ, Tp HCM') - (CHARINDEX(' ','222 Nguyễn Văn Cừ, Tp HCM')) )

\*/

SELECT MANV, UPPER(HONV) AS 'HONV', LOWER(TENLOT) AS 'TENLOT',

LOWER(LEFT(TENNV,1)) + UPPER(SUBSTRING(TENNV,2,1)) + LOWER(SUBSTRING(TENNV,3,LEN(TENNV) - 2)) AS 'TENNV'

, SUBSTRING(DCHI,CHARINDEX(' ',DCHI)+ 1,

CHARINDEX(',',DCHI) - (CHARINDEX(' ',DCHI) + 1) ),

COUNT(MA\_NVIEN)

FROM NHANVIEN, THANNHAN

WHERE NHANVIEN.MANV = THANNHAN.MA\_NVIEN

GROUP BY MANV, HONV, TENLOT, TENNV, DCHI

HAVING COUNT(MA\_NVIEN)> 2

--

/\*

SELECT MANV,

SUBSTRING(DCHI,CHARINDEX(' ',DCHI)+ 1,

CHARINDEX(',',DCHI) - (CHARINDEX(' ',DCHI) + 1) ) AS 'DCHI',

COUNT(MA\_NVIEN)

FROM NHANVIEN, THANNHAN

WHERE NHANVIEN.MANV = THANNHAN.MA\_NVIEN

GROUP BY MANV, DCHI

HAVING COUNT(MA\_NVIEN)> 2

GO

\*/

--3

SELECT MA\_NVIEN, HONV, TENLOT, COUNT(THANNHAN.MA\_NVIEN)

FROM NHANVIEN, THANNHAN

WHERE NHANVIEN.MANV = THANNHAN.MA\_NVIEN

GROUP BY MA\_NVIEN, HONV, TENLOT

--3a.

SELECT MA\_NVIEN, upper(HONV) as 'HO', TENLOT, DCHI, COUNT(THANNHAN.MA\_NVIEN)

FROM NHANVIEN, THANNHAN

WHERE NHANVIEN.MANV = THANNHAN.MA\_NVIEN

GROUP BY MA\_NVIEN, HONV, TENLOT, DCHI

HAVING COUNT(THANNHAN.MA\_NVIEN) > 2

--3b

SELECT MA\_NVIEN, upper(HONV) as 'HO',lower(TENLOT) as 'TENLOT', DCHI, COUNT(THANNHAN.MA\_NVIEN)

FROM NHANVIEN, THANNHAN

WHERE NHANVIEN.MANV = THANNHAN.MA\_NVIEN

GROUP BY MA\_NVIEN, HONV, TENLOT, DCHI

HAVING COUNT(THANNHAN.MA\_NVIEN) > 2

---

-- 3c.Dữ liệu chột TENNV có ký tự thứ 2 được viết in hoa, các ký tự còn lại viết thường( ví dụ: kHanh)

--3.C Dữ liệu chột TENNV có ký tự thứ 2 được viết in hoa, các ký tự còn lại viết thường( ví dụ: kHanh)

select MA\_NVIEN, lower(left(TENNV,1)) + upper(substring(TENNV,2,1)) + LOWER(substring(TENNV,3,LEN(TENNV)-2)) as 'TENNV',

count(MA\_NVIEN)

from THANNHAN, NHANVIEN

where THANNHAN.MA\_NVIEN = NHANVIEN.MANV

group by MA\_NVIEN, TENNV

having count(MA\_NVIEN)>2

-- 3d.Dữ liệu cột DCHI chỉ hiển thị phần tên đường, không hiển thị các thông tin khác như số nhà hay thành phố.

SELECT CHARINDEX(' ','222 Nguyễn Văn Cừ, Tp HCM')---->>> 4

SELECT CHARINDEX(',','222 Nguyễn Văn Cừ, Tp HCM') ---->>>18.......18-5= 13

select MA\_NVIEN, DCHI, SUBSTRING(DCHI, CHARINDEX(' ',DCHI)+ 1 , CHARINDEX(',',DCHI) - CHARINDEX(' ',DCHI) ),

count(MA\_NVIEN)

from THANNHAN, NHANVIEN

where THANNHAN.MA\_NVIEN = NHANVIEN.MANV

group by MA\_NVIEN, DCHI

having count(MA\_NVIEN)>2

SELECT MA\_NVIEN,NHANVIEN.TENLOT, LOWER(LEFT(NHANVIEN.TENNV,1))

FROM NHANVIEN, THANNHAN

WHERE NHANVIEN.MANV = THANNHAN.MA\_NVIEN

GROUP BY MA\_NVIEN,NHANVIEN.TENLOT, LOWER(LEFT(NHANVIEN.TENNV,1))

HAVING COUNT(THANNHAN.MA\_NVIEN) > 2

select MA\_NVIEN, upper(HONV) as 'Họ',

count(MA\_NVIEN)

from THANNHAN, NHANVIEN

where THANNHAN.MA\_NVIEN = NHANVIEN.MANV

group by MA\_NVIEN, HONV

having count(MA\_NVIEN)>2

select MA\_NVIEN, lower(TENLOT) as 'Tên Lót',

count(MA\_NVIEN)

from THANNHAN, NHANVIEN

where THANNHAN.MA\_NVIEN = NHANVIEN.MANV

group by MA\_NVIEN, TENLOT

having count(MA\_NVIEN)>2

--pHuc

--

select len('PHUC')

-- LAY KI TU DAU CHU THUONG : lower(left(TENNV,1))

-- LAY KI TU THU 2 THANH CHU HOA upper(substring(TENNV,2,1))

--3.C Dữ liệu chột TENNV có ký tự thứ 2 được viết in hoa, các ký tự còn lại viết thường( ví dụ: kHanh)

select MA\_NVIEN, lower(left(TENNV,1)) + upper(substring(TENNV,2,1)) + LOWER(substring(TENNV,3,LEN(TENNV)-2)) as 'tÊn NV',

count(MA\_NVIEN)

from THANNHAN, NHANVIEN

where THANNHAN.MA\_NVIEN = NHANVIEN.MANV

group by MA\_NVIEN, TENNV

having count(MA\_NVIEN)>2

SELECT CHARINDEX(' ','CAO HOANG PHUC') -->> 4..... CHU H THI VI TRI THU 5

SELECT N'222 Nguyễn Văn Cừ, Tp HCM'

SELECT CHARINDEX(' ','222 Nguyễn Văn Cừ, Tp HCM') ---->>> N LA VI TRI 4 + 1

SELECT CHARINDEX(',','222 Nguyễn Văn Cừ, Tp HCM') ---->>> 18------------->18 - 5 = 13 = Nguyễn Văn Cừ

select MA\_NVIEN, DCHI,

substring(DCHI,CHARINDEX(' ',DCHI)+1, CHARINDEX(',',DCHI) - CHARINDEX(' ',DCHI)+1) as 'Tên đường',

count(MA\_NVIEN)

from THANNHAN, NHANVIEN

where THANNHAN.MA\_NVIEN = NHANVIEN.MANV

group by MA\_NVIEN, DCHI

having count(MA\_NVIEN)>2

select MA\_NVIEN, upper(HONV) as 'Họ', lower(TENLOT) as 'Tên Lót', TENNV,

lower(left(TENNV,1)) + upper(substring(TENNV,2,1)) + substring(TENNV,3,LEN(TENNV)-2) as 'tÊn NV',

substring(DCHI,CHARINDEX(' ',DCHI)+1, CHARINDEX(',',DCHI) - CHARINDEX(' ',DCHI)+1) as 'Tên đường',

count(MA\_NVIEN)

from THANNHAN, NHANVIEN

where THANNHAN.MA\_NVIEN = NHANVIEN.MANV

group by MA\_NVIEN, HONV, TENLOT, TENNV, DCHI

having count(MA\_NVIEN)>2

select MA\_NVIEN, upper(HONV) as 'Họ', lower(TENLOT) as 'Tên Lót', TENNV,

lower(left(TENNV,1)) + upper(substring(TENNV,2,1)) + substring(TENNV,3,LEN(TENNV)-2) as 'tÊn NV',

substring(DCHI,CHARINDEX(' ',DCHI)+1, CHARINDEX(',',DCHI) - CHARINDEX(' ',DCHI)+1) as 'Tên đường',

count(MA\_NVIEN)

from THANNHAN, NHANVIEN

where THANNHAN.MA\_NVIEN = NHANVIEN.MANV

group by MA\_NVIEN, HONV, TENLOT, TENNV, DCHI

having count(MA\_NVIEN)>2

/\*

Bài 3: (2 điểm)

Sử dụng các hàm xử lý chuỗi

 Danh sách những nhân viên (HONV, TENLOT, TENNV, DCHI) có trên 2 thân nhân, thỏa các yêu cầu

o Dữ liệu cột HONV được viết in hoa toàn bộ

o Dữ liệu cột TENLOT được viết chữ thường toàn bộ

o Dữ liệu chột TENNV có ký tự thứ 2 được viết in hoa, các ký tự còn lại viết thường( ví dụ: kHanh)

o Dữ liệu cột DCHI chỉ hiển thị phần tên đường, không hiển thị các thông tin khác như số nhà hay thành phố.

 Cho biết tên phòng ban và họ tên trưởng phòng của phòng ban có đông nhân viên nhất, hiển thị thêm một cột thay thế tên trưởng phòng bằng tên “Fpoly”

Bài 4: (2 điểm)

Sử dụng các hàm ngày tháng năm

 Cho biết các nhân viên có năm sinh trong khoảng 1960 đến 1965.

 Cho biết tuổi của các nhân viên tính đến thời điểm hiện tại.

 Dựa vào dữ liệu NGSINH, cho biết nhân viên sinh vào thứ mấy.

 Cho biết số lượng nhân viên, tên trưởng phòng, ngày nhận chức trưởng phòng và ngày nhận chức trưởng phòng hiển thi theo định dạng dd-mm-yy (ví dụ 25-04-2019)

\*/

-- 4.A Cho biết các nhân viên có năm sinh trong khoảng 1960 đến 1965.

SELECT HONV, TENNV ,NGSINH, convert(date,NGSINH) as 'Ng Sinh'

FROM NHANVIEN

WHERE YEAR(NGSINH) BETWEEN 1960 AND 1965

--CÁCH 2

SELECT HONV, TENNV ,NGSINH, convert(date,NGSINH) as 'Ng Sinh'

FROM NHANVIEN

WHERE YEAR(NGSINH) >= 1960

AND YEAR(NGSINH) <= 1965

--4B. Cho biết tuổi của các nhân viên tính đến thời điểm hiện tại.

SELECT HONV, TENNV , YEAR(GETDATE()) - YEAR(NGSINH) AS 'TUOI'

FROM NHANVIEN

SELECT HONV, TENNV , YEAR(GETDATE()) - YEAR(NGSINH) AS 'TUOI'

FROM NHANVIEN

--4C. Dựa vào dữ liệu NGSINH, cho biết nhân viên sinh vào thứ mấy.

--SELECT DATENAME(WEEKDAY,'1967-02-01')

SELECT HONV, TENNV ,NGSINH, convert(date,NGSINH) as 'Ng Sinh',

DATENAME(WEEKDAY, NGSINH)

FROM NHANVIEN

--4D Cho biết số lượng nhân viên, tên trưởng phòng, ngày nhận chức trưởng phòng và ngày nhận chức trưởng phòng hiển thi theo định dạng dd-mm-yy (ví dụ 25-04-2019)

SELECT TENPHG, TRPHG, NG\_NHANCHUC, B.TENNV, COUNT(A.MANV) AS 'SoLuongNV',

CONVERT(varchar, NG\_NHANCHUC, 105) AS 'NgayNhanChuc'

FROM NHANVIEN A

INNER JOIN PHONGBAN ON A.PHG = PHONGBAN.MAPHG

INNER JOIN NHANVIEN B ON B.MANV = PHONGBAN.TRPHG

GROUP BY TENPHG, TRPHG, NG\_NHANCHUC, B.TENNV

-- Bai 4:

-- Cho biết các nhân viên có năm sinh trong khoảng 1960 đến 1965.

select MANV, TENNV, convert(date,NGSINH) as 'Ng Sinh'

from NHANVIEN

where year(NGSINH) between 1960 and 1965

-- Cho biết tuổi của các nhân viên tính đến thời điểm hiện tại

select MANV, TenNV, YEAR(getdate()) - YEAR(NGSINH) as 'Tuoi'

from NhanVien;

-- Dựa vào dữ liệu NGSINH, cho biết nhân viên sinh vào thứ mấy.

select MANV, TENNV, convert(date,NGSINH) as 'Ng Sinh',

DATENAME(weekday, NGSINH) as 'WEEKDAY'

from NHANVIEN

-- Cho biết số lượng nhân viên, tên trưởng phòng và ngày nhận chức trưởng phòng hiển thi theo định dạng dd-mm-yy (ví dụ 25-04-2019)

SELECT TENPHG, TRPHG, NG\_NHANCHUC, B.TENNV, COUNT(A.MANV) AS 'SoLuongNV',

CONVERT(varchar, NG\_NHANCHUC, 105) AS 'NgayNhanChuc'

FROM NHANVIEN A

INNER JOIN PHONGBAN ON A.PHG = PHONGBAN.MAPHG

INNER JOIN NHANVIEN B ON B.MANV = PHONGBAN.TRPHG

GROUP BY TENPHG, TRPHG, NG\_NHANCHUC, B.TENNV